

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102 /2024/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách;
Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;
Căn cứ Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình.
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình tại Tờ Trình số 208/TTr-STC ngày 26 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ; Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất tỉnh; Quỹ Phát triển đất tỉnh Ninh Bình; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /la

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Bình;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Ninh Bình;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP5, các VP.

TrH_VP5_QĐUB

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng



BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Ninh Bình

(Kèm theo Quyết định số 102 /2024/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Điều lệ Quỹ) quy định về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ
- Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ

Điều 3. Tên gọi, trụ sở, thông tin liên hệ và vốn điều lệ của Quỹ

- Tên gọi
 - Tên đầy đủ: Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình.
 - Tên giao dịch quốc tế: Ninh Binh Land Development Fund.
 - Tên viết tắt: NBLDF.
- Địa chỉ: Quỹ có trụ sở làm việc đặt tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình, địa chỉ: đường Nguyễn Bắc, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình.
- Thông tin liên hệ
 - Điện thoại: 02293.891.230.
 - Fax: 02293.891.230.
 - Website: quydautuphattrien.ninhbinh.gov.vn.
- Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của Quỹ là 1.510.243.320.000 đồng (một nghìn năm trăm mười tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Chương II

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động và người đại diện theo pháp luật

- Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ, có tài khoản được mở tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn theo quy định tại Điều 114 Luật đất đai năm 2024 và pháp luật có liên quan.

4. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc: không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động. Việc sử dụng vốn phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Quỹ.

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm trả hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng, thu hồi vốn ứng; xác định, thu hồi chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

- a) Hội đồng quản lý: Chủ tịch; các Phó Chủ tịch và các thành viên.
- b) Ban kiểm soát: Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng là cơ quan điều hành (Ban điều hành) của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình.

2. Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình quản lý Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý Quỹ (sau đây gọi tắt là HĐQT) gồm 05 thành viên hoạt động theo kiêm nhiệm, thành phần cụ thể như sau:

- a) Chủ tịch HĐQT là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) 01 Phó Chủ tịch HĐQT là Giám đốc Sở Tài chính.
- c) 01 Phó Chủ tịch HĐQT là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.
- d) Các thành viên khác là đại diện Lãnh đạo các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường.

2. Thời hạn bổ nhiệm thành viên HĐQT không quá 05 năm, hết thời hạn thành viên HĐQT có thể được bổ nhiệm lại. Trường hợp chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ của cấp có thẩm quyền thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ hiện giữ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT.

a) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

b) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình nghiệp vụ liên quan tới hoạt động của Quỹ; phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

d) Thông qua dự toán, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi (nếu có).

đ) Phê duyệt: Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; Kế hoạch ứng vốn.

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh: ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ.

g) Quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

h) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của HĐQT và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật.

i) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

k) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

6. Chế độ làm việc của HĐQT được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý đảm bảo một số nội dung sau:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên HĐQT được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của HĐQT.

c) HĐQT quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên HĐQT biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì cuộc họp HĐQT (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và HĐQT kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có 02 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, gồm: Trưởng Ban Kiểm soát do Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình kiêm nhiệm, 01 thành viên thuộc Sở Tài chính.

3. Thời hạn bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm hết thời hạn bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại. Trường hợp chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ của cấp có thẩm quyền thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ hiện giữ.

4. Thẩm quyền, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Ban Kiểm soát.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng Ban Kiểm soát trên cơ sở đề nghị của HĐQT.

b) Chủ tịch HĐQT quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Ban Kiểm soát trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với thành viên Ban Kiểm soát Quỹ.

a) Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

b) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của HĐQT, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình HĐQT phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do HĐQT và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

7. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát

a) Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể. Thành viên Ban Kiểm soát được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng ban phân công. Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao trước HĐQT và Trưởng ban.

b) Giám sát là biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời kiến nghị xử lý các vi phạm chế độ, chính sách và vi phạm quy chế, quy trình và Điều lệ Quỹ, có 02 hình thức giám sát cụ thể là:

Giám sát gián tiếp: Thông qua các tài liệu, báo cáo, các dự thảo được Quỹ gửi đến và qua thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; Ban Kiểm soát kiểm tra, đối chiếu với các quy định của nhà nước, Điều lệ và các Quy chế của Quỹ. Nếu phát hiện có sai phạm, thua lỗ, vi phạm các quy định về quản lý tài chính của nhà nước, Ban Kiểm soát phải có ý kiến đề HĐQL, Giám đốc xem xét và có sự điều chỉnh.

Giám sát trực tiếp: Theo sự phân công của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát được trực tiếp làm việc với các phòng nghiệp vụ của Quỹ để giám sát tại chỗ việc chấp hành các Quy chế và Điều lệ của Quỹ, sau đó, báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát để kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung.

c) Kiểm tra định kỳ

Hàng năm, trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác, Ban Kiểm soát có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, phát hiện sai sót trong quá trình hoạt động của Quỹ để đề nghị Giám đốc khắc phục kịp thời.

Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Việc thẩm định được hiểu là việc xem xét tính chất hợp lý, hợp lệ của báo cáo theo cơ chế quản lý tài chính của Bộ Tài chính.

d) Kiểm tra đột xuất

Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Quỹ khắc phục kịp thời, Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị HĐQL quyết định thời điểm và nội dung tiến hành kiểm tra.

đ) Đối tượng kiểm tra có quyền giải trình trong quá trình kiểm tra. Trường hợp chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban Kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình trong biên bản kiểm tra để Ban Kiểm soát báo cáo HĐQL.

e) Kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát phải thể hiện bằng văn bản do Trưởng Ban Kiểm soát ký. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi trình HĐQL, UBND tỉnh phải được bàn bạc thống nhất trong Ban Kiểm soát.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, HĐQL và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Quỹ trên cơ sở đề nghị của HĐQL.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

b) Trình HĐQT: ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế liên quan tới hoạt động của Quỹ; thông qua dự toán, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi (nếu có).

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Trình HĐQT thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh: ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật đối với Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

đ) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

e) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định, Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Điều 12. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư; tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

Điều 13. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ

1. Kế hoạch ứng vốn

a) Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, các Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1, Điều 12 Điều lệ này làm văn bản đề xuất ứng vốn của năm tiếp theo gửi Quỹ.

b) Căn cứ vào đề xuất ứng vốn tại điểm a khoản này, nguồn vốn của Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ tổng hợp danh mục các dự án, nhiệm vụ đưa vào Kế hoạch ứng vốn năm tiếp theo và xây dựng dự thảo Kế hoạch ứng vốn trình HĐQT phê duyệt.

c) HĐQT rà soát đề xuất ứng vốn để đảm bảo Kế hoạch ứng vốn được cân đối phù hợp và phê duyệt Kế hoạch ứng vốn trước ngày 31/01 của năm kế hoạch.

d) Trường hợp trong năm kế hoạch phát sinh thêm dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì cơ quan điều hành nghiệp vụ thẩm định, trình HĐQT phê duyệt theo quy định.

2. Điều kiện ứng vốn

Điều kiện ứng vốn từ Quỹ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản đồng ý chủ trương cho ứng vốn đối với tổng nhu cầu vốn ứng của từng dự án, nhiệm vụ.

2. Giám đốc Quỹ căn cứ văn bản đồng ý chủ trương cho ứng vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh, nguồn vốn của Quỹ và tiến độ thực hiện dự án ban hành quyết định chấp thuận ứng vốn cho từng lần ứng vốn.

Điều 15. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

1. Xác định chi phí quản lý vốn ứng

a) Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

b) Mức lãi suất để tính chi phí quản lý vốn ứng được xác định tại thời điểm thẩm định hồ sơ ứng vốn của đơn vị và được thể hiện trong hợp đồng ứng vốn.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

3. Tổ chức được ứng vốn thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ cùng với thời điểm hoàn trả vốn ứng.

Điều 16. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

a) Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này lập hồ sơ hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn (theo mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP): 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông

tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này: 01 bản sao;

Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả cho Quỹ): 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (*không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này*) được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục thực hiện giao dịch tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết, theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

5. Thời hạn hoàn trả vốn ứng và xử lý rủi ro

a) Thời hạn hoàn trả vốn ứng được xác định theo cam kết của đơn vị ứng vốn, nhưng tối đa không vượt quá thời gian thực hiện dự án được ghi trong quyết định phê duyệt dự án.

b) Trường hợp vì lý do khách quan làm chậm tiến độ dự án ảnh hưởng đến phương án bố trí nguồn vốn hoàn trả vốn ứng. Đơn vị ứng vốn báo cáo cụ thể nguyên nhân gửi Quỹ, Giám đốc Quỹ quyết định gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng, nhưng tối đa không quá thời gian thực hiện dự án. Tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ, phải xây dựng dự toán báo cáo cấp có thẩm quyền để bố trí vốn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

c) Trường hợp đơn vị ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc có tình chậm trả vốn ứng, Giám đốc Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định dừng việc ứng vốn còn lại (trong trường hợp ứng vốn nhiều lần) và dừng ứng vốn để thực hiện các dự án, nhiệm vụ khác cho tới khi đơn vị hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 17. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính bắt đầu của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả các khoản phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát, người lao động nếu có) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2). Các nội dung khác liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 18. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ.

b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí ủy thác quản lý Quỹ là toàn bộ các khoản thu được quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm chi trả toàn bộ các khoản chi của Quỹ.

4. Việc chi tiêu của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ do HĐQT ban hành.

5. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

6. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.
2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Quỹ xây dựng báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động định kỳ hàng năm, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 3 của năm sau.
4. Việc kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 20. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh
 - a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động của Quỹ theo quy định.
 - b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.
2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh
 - a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.
 - b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.
3. Với các sở, ban, ngành
 - a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 21. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. HĐQT là cơ quan trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể. Do đó, Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của HĐQT, tham mưu cho HĐQT chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của HĐQT, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

2. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát Quỹ. Do đó, Giám đốc Quỹ phải chủ động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Tại các phiên họp thường kỳ của HĐQT, có sự tham dự của Ban kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ phải kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 22. Mối quan hệ giữa Quỹ và các Tổ chức được ứng vốn

Các Tổ chức được ứng vốn được xem như khách hàng trong đối tượng phục vụ của Quỹ. Do đó, Quỹ phải thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch ứng vốn... để các Tổ chức được ứng vốn nắm bắt, phối hợp thực hiện. Quá trình ứng vốn và thu hồi vốn ứng phải thực hiện theo đúng các quy định trong Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Quan hệ giữa Quỹ và các Tổ chức được ứng vốn phải được xác lập bằng hợp đồng gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện Tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn ứng.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các khoản ứng vốn đã phát sinh đến trước ngày Điều lệ này có

hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng ứng vốn, Quyết định đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

b) Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ

Trong quá trình thực hiện Điều lệ, Quỹ có trách nhiệm nghiên cứu tổng hợp các khó khăn, vướng mắc liên quan đến thực hiện Điều lệ. Nếu xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động của Quỹ thì xây dựng nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ báo cáo HĐQT thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, phê duyệt.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các quy định nội bộ của Quỹ phải tuân thủ Điều lệ này.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, đơn vị được ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.